

Số: 19/QĐ-UBND

Chi Lăng Bắc, ngày 14 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
quý I năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHI LĂNG BẮC

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước*

*Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với
các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của
UBND huyện Thanh Miện về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội,
dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐND Hội đồng nhân dân xã khóa XXII kỳ họp
thứ 05 ngày 05 tháng 01 năm 2023 về việc phê duyệt dự toán ngân sách xã năm
2023;*

Theo đề nghị của Tài chính - kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2023 của xã Chi Lăng Bắc (Chi tiết theo các biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng HĐND-UBND xã, Tài chính - kế toán xã, các đơn vị và các ban ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã (đăng công khai);
- Lưu: VP, TCKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đoàn Minh Đức



UBND XÃ CHI LĂNG BẮC

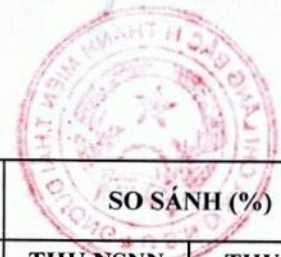
Biểu số 114/CK TC - NSNN

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND xã Chi Lăng Bắc)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		THỰC HIỆN HẾT QUÝ I NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	14.657.951.000	6.133.951.000	1.849.226.573	1.838.147.577	12,62	29,97
I	Các khoản thu 100%	235.000.000	235.000.000	40.524.000	40.524.000	17,24	17,24
1	Phí, lệ phí	55.000.000	55.000.000	6.935.000	6.935.000	12,61	12,61
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	110.000.000	110.000.000	17.189.000	17.189.000	15,63	15,63
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	40.000.000	40.000.000	16.400.000	16.400.000	41,00	41,00
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000		0	0,00	0,00
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	10.183.000.000	1.659.000.000	67.355.750	56.276.754	0,66	3,39
1	Các khoản thu phân chia	63.000.000	63.000.000	11.960.750	11.960.750	18,99	18,99
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	12.000.000	12.000.000	243.000	243.000	2,03	2,03
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000.000	6.000.000	4.800.000	4.800.000	80,00	80,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	45.000.000	45.000.000	6.917.750	6.917.750	15,37	15,37
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	10.120.000.000	1.596.000.000	55.395.000	44.316.004	0,55	2,78
2.1	Thu tiền sử dụng đất	10.000.000.000	1.500.000.000		0	0,00	0,00
	Thu đầu giá quyền sử dụng đất	10.000.000.000					
	Thu tiền đất dôi dư						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	80.000.000	64.000.000	36.930.000	29.544.002	46,16	46,16
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	40.000.000	32.000.000	18.465.000	14.772.002	46,16	46,16
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		THỰC HIỆN QUÝ 1 NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			591.346.823	591.346.823		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.239.951.000	4.239.951.000	1.150.000.000	1.150.000.000	27,12	27
1	Thu bổ sung cân đối	4.239.951.000	4.239.951.000	1.150.000.000	1.150.000.000	27,12	27
2	Thu bổ sung có mục tiêu						



UBND Xã Chí Lăng Bắc

Biểu số 115/CK TC - NSNN

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 14 tháng 04 năm 2023)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023			THỰC HIỆN HẾT QUÝ I NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	6.133.951.000	1.500.000.000	4.633.951.000	1.225.893.154	0	1.225.893.154	19,99	0,00	26,45
	Trong đó:				0					
1	Chi công tác quốc phòng	347.563.000		360.949.000	347.563.000		107.997.198	100,00		29,92
2	Chi an ninh trật tự	141.395.000		141.395.000	23.848.800		23.848.800	16,87		16,87
3	Chi sự nghiệp giáo dục	18.350.000		18.350.000	720.000		720.000	3,92		3,92
4	Chi sự nghiệp y tế	18.350.000		18.350.000	0			0,00		0,00
5	Chi sự nghiệp văn hóa xã hội	39.200.000		39.200.000	19.201.000		19.201.000	48,98		48,98
6	Chi sự nghiệp đài truyền thanh	62.570.000		62.570.000	18.917.500		18.917.500	30,23		30,23
7	Chi cho sự nghiệp TDTT	20.000.000		20.000.000	1.000.000		1.000.000	5,00		5,00
8	Chi Sự nghiệp môi trường	29.819.000		29.819.000	0			0,00		0,00
9	Chi sự nghiệp nông lâm- thủy lợi	53.017.000		53.017.000	8.220.200		8.220.200	15,50		15,50
10	Chi sự nghiệp giao thông	1.523.640.000	1.500.000.000	23.640.000	7.500.000		7.500.000	0,49		31,73
11	Chi sự nghiệp thị chính				0					
12	Chi hoạt động thương mại				0					
13	Chi hoạt động quản lý nhà nước	2.030.702.000		2.030.702.000	683.087.707		683.087.707	33,64		33,64
14	Chi hoạt động Đảng cộng sản VN	629.472.000		629.472.000	149.356.351		149.356.351	23,73		23,73
15	Chi hoạt động các đoàn thể chính trị XH	775.017.000		775.017.000	139.777.898		139.777.898	18,04		18,04
16	Hoạt động của các tổ chức khác	61.713.000		61.713.000	13.303.500		13.303.500	21,56		21,56
17	Hoạt động phụ vụ người có công với CM			20.000.000	4.570.000		4.570.000			
18	Chi cho hưu xã	193.572.000		193.572.000	48.393.000		48.393.000	25,00		25,00
19	Chi cho sự nghiệp xã hội	31.460.000		31.460.000	0			0,00		0,00
20	Dự phòng	124.725.000		124.725.000	0					



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện quý 1 năm 2023	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	6.133.951.000	1.838.147.577	29,97
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	235.000.000	40.524.000	17,24
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	1.659.000.000	56.276.754	3,39
3	Thu bổ sung	4.239.951.000	1.150.000.000	27,12
	- Bổ sung cân đối	4.239.951.000	1.150.000.000	27,12
	- Bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn		591.346.823	
II	Tổng số chi	6.133.951.000	1.225.893.154	19,99
1	Chi đầu tư phát triển	1.500.000.000	0	-
2	Chi thường xuyên	4.509.226.000	1.225.893.154	27,19
3	Dự phòng	124.725.000		-